

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FWD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG FWD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FWD VIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FWD VNC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109885047

**3. Ngày thành lập:** 12/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9, ngõ 42/73, tổ 14, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988133633

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết : Lắp đặt gương kính. Các hoạt động khác nhau có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình, Lát sàn gỗ, lát thảm, vãi sơn lót sàn nhà hoặc che phủ bằng giấy tường... Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác, - Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được, Sắp đặt, lợp ngói, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác<br>(Trừ bán buôn vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4662     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                       | 4663        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299        |
| 11. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8511        |
| 12. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8512        |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4719        |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4721        |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722        |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4723        |
| 17. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4724        |
| 18. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>Chi tiết : Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong công nghiệp xây dựng, cụ thể: + Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá... + Cầu thang, hàng rào chắn,                                                                                                                                                                                      | 1622        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết : Sản xuất bao bì từ plastic Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng như: Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt. Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính;                                                | 2220        |
| 20. | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh<br>Chi tiết : Sản xuất và gia công kính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2310        |
| 21. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2420(Chính) |
| 22. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>Chi tiết : - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);<br>- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);<br>- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời...<br>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng;<br>- Vách ngăn phòng bằng kim loại. | 2511        |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592        |

|     |                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết : Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... | 2599 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                  | 4933 |
| 26. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                               | 3320 |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                     | 4101 |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                               | 4102 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 30. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4752 |
| 31. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4753 |
| 32. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Nội dung được phép lưu hành)                                                                             | 4761 |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4771 |
| 34. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4772 |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                           | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 980.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ VĂN<br>TUẤN   | Cụm 4, Xã Xuân<br>Đĩnh, Huyện<br>Phúc Thọ, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 323.400       | 3.234.000.000            | 33,000       | 0012000259<br>54                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                            | 323.400       | 3.234.000.000            | 33,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG LÂM<br>QUÂN | Tổ dân phố Tân<br>Thành, Thị Trấn<br>Vôi, Huyện Lạng<br>Giang, Tỉnh Bắc<br>Giang, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 333.200       | 3.332.000.000            | 34,000       | 121666878                                                                                                              |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            | Tổng số                            | 333.200       | 3.332.000.000            | 34,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                               |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHÙNG KHẮC HẢI | Đội 4 Thôn Văn Minh, Xã Nam Tiến, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 323.400 | 3.234.000.000 | 33,000 | 001083007547 |
|   |                |                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                               | Tổng số                   | 323.400 | 3.234.000.000 | 33,000 |              |
|   |                |                                                                               |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG LÂM QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 121666878

Ngày cấp: 07/03/2019 Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Tân Thành, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Tân Thành, Thị Trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội